

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 18/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

Thực hiện Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 18/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030; UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện có hiệu quả nội dung, nhiệm vụ Chương trình quốc gia Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 18/01/2024; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp, ngành liên quan; huy động các nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ đề ra.

2. Yêu cầu

2.1. Xác định nhiệm vụ trọng tâm, phân công thực hiện, lộ trình phù hợp với tình hình thực tiễn, đảm bảo tính khả thi, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện chương trình.

2.2. Các cấp, ngành chủ động bố trí, huy động, lồng ghép các nguồn lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với quyền hạn, trách nhiệm và điều kiện thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo tồn, bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản nhằm phục hồi nguồn lợi thủy sản; gắn với quản lý có hiệu quả các hoạt động khai thác thủy sản nhằm phát triển thủy sản bền vững, giữ gìn tính đa dạng sinh học, giá trị tài nguyên sinh vật; góp phần phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, thúc đẩy tăng trưởng xanh, nâng cao đời sống và sinh kế cho người dân.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Hoàn thành kế hoạch điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm hàng năm tại các huyện, thị xã, thành phố nghề cá ven biển.

2.2. Các hồ tự nhiên, hồ chứa lớn, hệ thống sông Trường Giang, Thu Bồn; khu vực biển ven bờ, vùng lòng được điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản.

2.3. Phân đầu trữ lượng nguồn lợi thủy sản ở vùng biển, nhất là vùng lòng, vùng bờ được phục hồi và tăng ít nhất 5%.

2.4. Tiếp tục thực hiện tốt mô hình quản lý và hoạt động của Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm; đồng thời hình thành, quản lý các Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Tam Hải, Tam Tiến - Núi Thành theo Quy hoạch bảo vệ nguồn lợi thủy sản quốc gia, Quy hoạch tỉnh và Đề án mở rộng, thành lập mới các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2030.

2.5. Tạo nơi cư trú nhân tạo tại các khu vực ven biển của các huyện, thành phố: Hội An, Thăng Bình, Núi Thành nhằm tạo sinh cảnh sống, phát triển các loài thủy sản.

2.6. Các huyện, thị xã, thành phố ven biển và các huyện trung du, miền núi có thủy vực (hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện, sông có điều kiện môi trường, dòng chảy phù hợp) tổ chức hoạt động thả tái tạo nguồn lợi thủy sản.

2.7. Tổ chức thực hiện mô hình đồng quản lý nguồn lợi thủy sản tại các khu vực bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu bảo tồn đất ngập nước được hình thành.

2.8. Các loài thủy sản trong Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo quy định; loài đặc hữu, bản địa trên địa bàn tỉnh được nhận diện, xác lập hồ sơ theo dõi, đề xuất giải pháp nghiên cứu, bảo tồn nguồn gen.

2.9. Hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường sống, nguồn lợi thủy sản của tỉnh hoàn thiện, cập nhật thường xuyên vào cơ sở dữ liệu quốc gia để đáp ứng thông tin cho nhu cầu quản lý, nghiên cứu.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản

1.1. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề, nghề cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

1.2. Phối hợp Bộ Nông nghiệp và PTNT điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản trên phạm vi cả nước theo định kỳ 05 năm.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn lợi thủy sản

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường sống, nguồn lợi thủy sản của tỉnh, cập nhật thường xuyên với hệ thống thông tin dữ liệu quốc gia thủy sản để đáp ứng thông tin cho nhu cầu quản lý, nghiên cứu.

3. Quản lý Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm

3.1. Tiếp tục kiện toàn khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm; rà soát, điều chỉnh các phân khu chức năng của khu bảo tồn biển và hoạt động phù hợp với quy định; phát triển thành khu bảo tồn thiên nhiên kiểu mẫu cả nước.

3.2. Điều tra, đánh giá tình hình kinh tế xã hội, xây dựng và triển khai các dự án hỗ trợ, chính sách chuyển đổi sinh kế cho các cộng đồng dân cư sống xung quanh khu bảo tồn biển.

3.3. Đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, trang bị cơ sở vật chất để tăng cường năng lực quản lý cho Ban quản lý khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm; xây dựng trạm, cơ sở cứu hộ động vật biển tại khu bảo tồn biển.

3.4. Xây dựng và tổ chức triển khai dự án phục hồi hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển tại khu bảo tồn biển.

3.5. Thực hiện quan trắc, thu thập thông tin, số liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, nguồn lợi thủy sản, chất lượng môi trường nước trong khu bảo tồn biển.

3.6. Đào tạo năng lực quản lý cho cán bộ làm việc tại khu bảo tồn biển.

3.7. Kiểm tra, giám sát hoạt động của các dự án đầu tư trong khu bảo tồn biển.

4. Bảo vệ nguồn lợi thủy sản

4.1. Tổ chức quản lý đối với các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác có thời hạn tại vùng ven biển Cửa Đại - Hội An, Khu vực biển Nam Hòn Ông, khu vực Đông Bắc Hòn Dài - Cù Lao Chàm theo Quy hoạch Bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4.2. Điều tra, khảo sát bổ sung số liệu, hoàn thiện hồ sơ đề xuất khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Tam Hải và Tam Tiến, huyện Núi Thành theo Quy hoạch Bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4.3. Xây dựng kế hoạch và tổ chức quản lý nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, khu bảo tồn đất ngập nước.

4.4. Tổ chức thực hiện một số biện pháp bảo vệ các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo Kế hoạch quốc gia về quản lý và bảo tồn các loài thú biển nhằm giảm thiểu đánh bắt không chủ ý đối với các loài thú biển; Kế hoạch quốc gia về quản lý và bảo tồn các loài cá mập, cá đuối; Kế hoạch hành động bảo tồn các loài rùa biển tại Việt Nam...

4.5. Triển khai Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản thu hút các nguồn tài chính của xã hội để hỗ trợ cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án về lĩnh vực bảo tồn, bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

5. Tái tạo, phát triển nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản

5.1. Bảo vệ, duy trì ổn định và có giải pháp phục hồi các hệ sinh thái thủy sinh, đặc biệt là các hệ sinh thái điển hình như: san hô, cỏ biển, rừng ngập mặn, đầm phá, bãi triều, cửa sông là nơi sống của các loài thủy sản.

5.2. Thực hiện thả rạn nhân tạo tại các khu vực biển phía Tây Bắc Hòn Khô - Hội An; ven bờ huyện Thăng Bình; ven bờ Mũi Bàn Than, xã Tam Hải, huyện Núi Thành nhằm tạo sinh cảnh sống, phát triển các loài thủy sản theo Quy hoạch Bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5.3. Điều tra nhận diện, đề xuất nghiên cứu bảo tồn, sinh sản nhân tạo, ương nuôi, lưu giữ nguồn gen, tái tạo các loài thủy sản nguy cấp quý, hiếm, các loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu, loài có giá trị kinh tế, khoa học.

5.4. Thả bổ sung hằng năm một số loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, loài bản địa, đặc hữu vào các thủy vực; tăng cường quản lý các khu vực, loài được thả bổ sung để đảm bảo hiệu quả tái tạo, phục hồi; khuyến khích xã hội hóa hoạt động thả bổ sung, tái tạo, phục hồi các loài thủy sản theo quy định; đánh giá hiệu quả hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản.

6. Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng, các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản

6.1. Rà soát, củng cố lại các hình thức tổ đội sản xuất trên biển theo hướng khai thác gắn với quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản môi trường sống của các loài thủy sản; hỗ trợ cơ quan chức năng giám sát, thông báo kịp thời các hành vi khai thác gây ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản.

6.2. Duy trì, nhân rộng mô hình thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại vùng biển ven bờ một số loại hình thủy vực tự nhiên như sông, hồ, hồ chứa, các vùng nước nội địa khác phù hợp với nhu cầu của người dân; theo hướng bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, du lịch nông thôn; đảm bảo sinh kế bền vững và an sinh xã hội.

6.3. Tăng cường đối thoại, hợp tác giữa cơ quan quản lý với các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp tư nhân, tổ chức xã hội... và đặc biệt là cộng đồng nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

7. Ngăn chặn sự suy giảm nguồn lợi thủy sản

7.1. Tiếp tục điều chỉnh, cơ cấu lại các nghề khai thác thủy sản, bảo đảm phù hợp với khả năng khai thác cho phép của nguồn lợi thủy sản theo hướng không phát triển và giảm dần một số loại nghề khai thác không thân thiện với nguồn lợi và môi trường, có tính chọn lọc thấp, khai thác thủy sản còn non ở vùng ven bờ và trong vùng nội địa.

7.2. Tăng cường năng lực quản lý, thực thi pháp luật trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản tỉnh, cấp huyện; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản như: tàu tuần tra, trang bị bảo hộ, công cụ hỗ trợ...

7.3. Thực hiện tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tập trung tại khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác có thời hạn, khu vực nội địa khác; tăng cường xử lý là hành vi sử dụng chất độc, chất nổ, xung điện, các nghề, ngư cụ khai thác thủy sản có tính hủy diệt hoặc các nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản.

7.4. Xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các lực lượng chức năng: quản lý thủy sản, kiểm ngư, cảnh sát biển, cảnh sát giao thông đường thủy, bộ đội biên phòng, công an địa phương... thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong các hoạt động thủy sản trên biển và trong vùng nội địa.

IV. GIẢI PHÁP

1. Về cơ chế, chính sách

1.1. Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách chuyển đổi nghề, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, cộng đồng ngư dân khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ; chính sách hỗ trợ ngư dân trong thời gian cấm khai thác thủy sản; chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi thủy sản, môi trường, hệ sinh thái sang các nghề khai thác thủy sản thân thiện với môi trường hoặc chuyển ra ngoài lĩnh vực khai thác thủy sản.

1.2. Xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư cho công tác bảo tồn, bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, phục hồi hệ sinh thái thủy sinh; hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các lực lượng chức năng (kiểm ngư, thanh tra chuyên ngành, kiểm lâm, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, cảnh sát giao thông đường thủy, cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, công an địa phương) để thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong các hoạt động thủy sản trên biển và trong vùng nội địa.

1.3. Triển khai thực hiện quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật trong điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản và đa dạng sinh học; quan trắc, giám sát biến động môi trường, nguồn lợi thủy sản và đa dạng sinh học; lưu giữ giống gốc các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; trồng phục hồi san hô, cỏ biển; thả rạn nhân tạo làm nơi cư trú cho các loài thủy sản; bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn đánh giá hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi hệ sinh thái và môi trường sống của các loài thủy sản.

1.4. Xây dựng cơ chế thúc đẩy thành lập và vận hành quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh, quỹ cộng đồng để huy động các nguồn lực xã hội, nguồn tài chính đóng góp tự nguyện, tài trợ, từ thiện, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước hỗ trợ, đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

2.1. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về vai trò, giá trị của nguồn lợi thủy sản và các hệ sinh thái thủy sinh; ý nghĩa của công tác bảo tồn biển; trách nhiệm bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là bảo vệ loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm.

2.2. Sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền phù hợp với văn hóa, tập quán, điều kiện của từng địa phương (như các hình thức tuyên truyền trực tuyến, xây dựng phim truyền hình, tiểu phẩm, ấn phẩm; phát thanh, truyền hình trên báo giấy, báo điện tử, đài phát thanh, truyền hình của địa phương; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu với sự tham gia của đông đảo cộng đồng ngư dân địa phương...), xác định đúng trọng tâm truyền thông và đối tượng truyền thông để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền; tập trung truyền thông trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản vào các dịp thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản nhân Ngày truyền thống ngành thủy sản Việt Nam (ngày 01/4), Ngày quốc tế Đa dạng sinh học (ngày 22/5), Ngày Môi trường thế giới (ngày 05/6), Ngày Đại dương thế giới (ngày 08/6)...

2.3. Phối hợp các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội nghề nghiệp tham gia các hoạt động vận động, tuyên truyền sâu rộng, từng bước nâng cao nhận thức cho cộng đồng ngư dân để người dân chủ động, tự giác tham gia công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; tập trung vào bảo vệ các loài nguy cấp, quý, hiếm, chống khai thác bất hợp pháp.

2.4. Vận động ngư dân cam kết tuân thủ quy định pháp luật về khai thác và bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản; chủ cơ sở chế biến, kinh doanh thủy sản cam kết không nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; tổ chức cộng đồng tham gia đấu tranh, tố giác hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2.5. Phối hợp lồng ghép nội dung giáo dục về bảo tồn, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản vào chương trình giảng dạy, học tập trong chương trình đào tạo, chương trình ngoại khóa cho học sinh, sinh viên nhằm cung cấp thông tin, kiến thức cơ bản về quản lý, bảo tồn, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản.

3. Nâng cao năng lực quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

3.1. Tiếp tục rà soát, kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản theo hướng hiện đại; củng cố lực lượng kiểm ngư tỉnh theo quy định Luật Thủy sản 2017.

3.2. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong công tác thực thi pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

3.3. Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

3.4. Thu hút nguồn lực quốc tế trong hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

4. Triển khai thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản

4.1. Tuyên truyền, tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

4.2. Phổ biến, triển khai tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định.

4.3. Tổ chức thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại một số loại hình thủy vực tự nhiên theo hướng bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản kết hợp với khai thác, nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch sinh thái, du lịch nông thôn.

4.4. Hỗ trợ, hướng dẫn cộng đồng khảo sát, đánh giá nguồn lợi thủy sản, xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, thành lập quỹ cộng đồng; xây dựng mới hoặc nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng, trang thiết bị thiết yếu cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

5. Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

5.1. Triển khai các điều tra, khảo sát nhận diện các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, có giá trị kinh tế, bản địa, đặc hữu tại các địa phương trong tỉnh; xác lập hồ sơ theo dõi, đề xuất biện pháp nghiên cứu, bảo tồn, bảo vệ thích hợp.

5.2. Tiếp nhận, ứng dụng quy trình kỹ thuật, công nghệ sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm một số loài thủy sản có giá trị kinh tế, loài thủy sản bản địa, đặc hữu, loài nguy cấp, quý, hiếm nhằm bổ sung nguồn giống thủy sản phục vụ công tác tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, phục hồi hệ sinh thái thủy sinh.

5.3. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phục hồi hệ sinh thái đặc trưng như san hô, cỏ biển.

5.4. Ứng dụng công nghệ số, công nghệ vệ tinh, viễn thám, hệ thống thông tin địa lý... để hỗ trợ công tác quản lý, kiểm soát khai thác, bảo tồn, bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của loài thủy sản; theo dõi đường di cư tự nhiên của một số loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học.

5.5. Tìm kiếm, kêu gọi và sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của các đối tác và tổ chức quốc tế, trao đổi thông tin, học tập, chia sẻ kinh nghiệm về: điều tra, khảo sát, đánh giá, nghiên cứu nguồn lợi thủy sản (trên biển và ở vùng nội địa), quản lý loài thủy sản di cư, khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định...

V. CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước: Chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên (vốn sự nghiệp kinh tế, vốn sự nghiệp môi trường, vốn sự nghiệp khoa học) phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030, dự án khác.

3. Kinh phí vận động, huy động hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

4. Những nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

1.1. Chịu trách nhiệm cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổ chức hội thảo/hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện kế hoạch; kịp thời đề xuất, kiến nghị trình UBND tỉnh quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, điều chỉnh các nhiệm vụ ưu tiên phù hợp với tình hình thực tiễn, theo quy định pháp luật.

1.2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn địa phương xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản hằng năm tại địa phương, phù hợp với nội dung, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch.

1.3. Xây dựng và tổng hợp kinh phí thực hiện kế hoạch trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm của các cơ quan, đơn vị tại thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước năm sau; gửi Sở Tài chính đối với kinh phí chi thường xuyên, Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với vốn đầu tư để trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

2.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT để lồng ghép các nhiệm vụ liên quan đến bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trong chương trình, đề án, dự án, kế hoạch về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên biển và hải đảo.

2.2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở, Ban, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi, trách nhiệm, quyền hạn của Sở.

2.3. Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp huyện tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm tại các thủy vực tự nhiên; kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhận chìm ở biển để hạn chế tối đa tác động, ảnh hưởng xấu đến môi trường, hệ sinh thái biển và nguồn lợi thủy sản.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, Ban, ngành liên quan và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính chịu trách nhiệm tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ thuộc kế hoạch theo quy định về phân cấp ngân sách, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

4.1. Chủ trì, báo cáo cấp thẩm quyền xác định vốn đầu tư ngân sách nhà nước chỉ cho đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4.2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính giám sát, kiểm tra đánh giá về kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn thực hiện kế hoạch.

5. Công an tỉnh

Chỉ đạo lực lượng cảnh sát giao thông, cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, công an các địa phương tăng cường nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, bảo tồn biển, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; đặc biệt là hành vi sử dụng các ngư cụ cấm, chất nổ, chất độc, xung điện để khai thác nguồn lợi thủy sản trên các thủy vực tự nhiên.

6. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Tăng cường tuần tra, kiểm tra, kiểm soát phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, bảo tồn biển, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản theo thẩm quyền; giám sát việc triển khai nhiệm vụ điều tra đa dạng sinh học, nguồn lợi thủy sản trên các vùng biển, đảo theo quy định của pháp luật.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở về các điển hình gương người tốt, việc tốt trong công tác bảo tồn biển và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tạo sự chuyển biến trong nhận thức của Nhân dân; phản ánh trung thực, tạo nhận thức và hành động thống nhất trong đấu tranh, phòng ngừa đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn biển, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

8. Các Sở, ngành có liên quan

Căn cứ nội dung kế hoạch, trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch.

9. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp

9.1. Tích cực tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lợi ích và trách nhiệm của cộng đồng tham gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản qua đó nâng cao nhận thức, hành động của các tầng lớp nhân dân trong bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

9.2. Theo chức năng của mình, chủ động tham gia, giám sát các hoạt động liên quan đến bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ và huy động sự tham gia của cộng đồng trong thực hiện, kiểm tra, giám sát; phối hợp thực hiện các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

10.1. Chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương bảo đảm kịp thời, hiệu quả, phù hợp với các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của kế hoạch.

10.2. Chủ trì các nhiệm vụ ưu tiên giao cho địa phương; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành liên quan thực hiện các nội dung kế hoạch.

10.3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quyền lợi và trách nhiệm của cộng đồng trong công tác tồn biển, bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc địa bàn quản lý.

10.4. Tổ chức quản lý các khu bảo tồn, các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản được UBND tỉnh giao theo quy định; thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung, nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Thủy sản, Cục Kiểm ngư;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các Hội đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ngành, đơn vị liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH Quảng Nam;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2024\Ke hoach\05 29 ke hoach BVNLTS_den nam 2030.docx

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

